

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG
TỔ SỬ - ĐỊA – GDKT&PL

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊA LÍ KHỐI 10
GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2025 - 2026

A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT

THẠCH QUYỂN. THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG

I. THẠCH QUYỂN

- Trái Đất có cấu tạo không đồng nhất, gồm có 3 bộ phận chính: *lớp vỏ, lớp manti và nhân*. (Liên hệ lại đặc điểm vỏ Trái Đất khi trình bày Thạch quyển).

⇒ Thạch quyển là lớp vỏ cứng ở ngoài cùng Trái Đất, được cấu tạo bởi các loại đá khác nhau. Thạch quyển bao gồm cả vỏ Trái Đất và phần trên của lớp manti (đến độ sâu khoảng 100km).

II. THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG

- Có 7 mảng kiến tạo lớn :

1. Thái Bình Dương
2. Ấn Độ - Ôxtrâyliia
3. Âu - Á
4. Phi
5. Bắc Mĩ
6. Nam Mĩ
7. Nam Cực

- Các mảng kiến tạo không đứng yên mà luôn dịch chuyển trên lớp Manti quánh dẻo.

- Khi dịch chuyển có nhiều cách tiếp xúc:

+ Tiếp xúc tách giãn: tạo các sông núi ngầm ở đại dương.

+ Tiếp xúc dồn ép: hình thành các dãy núi, vực sâu, núi lửa.

- Vùng tiếp xúc là vùng bất ổn, thường xuyên xảy ra các hoạt động kiến tạo như động đất, núi lửa phun trào.

NỘI LỰC VÀ NGOẠI LỰC
NỘI LỰC

I. KHÁI NIỆM

- Nội lực là lực phát sinh từ bên trong Trái Đất. Nội lực được sinh ra chủ yếu do nguồn năng lượng ở trong lòng Trái Đất.

II. TÁC ĐỘNG CỦA NỘI LỰC

- Tác động của nội lực tạo nên bề mặt địa hình của Trái Đất.

1. Vận động theo phương thẳng đứng

- Là những vận động nâng lên, hạ xuống xảy ra rất chậm và trên một diện tích lớn làm cho bộ phận này của lục địa được nâng lên, trong khi bộ phận khác lại bị hạ xuống.

⇒ Kết quả: sinh ra hiện tượng biển tiến, biển thoái, macma xâm nhập hay phun trào,...

2. Vận động theo phương nằm ngang

- Làm cho vỏ Trái Đất bị nén ép ở khu vực này và tách dẫn ở khu vực khác gây ra hiện tượng uốn nếp, đứt gãy.

a. Hiện tượng uốn nếp

- Xảy ra ở vùng đá có độ dẻo cao. Do lực nén ép theo phương nằm ngang hình thành các nếp uốn nhưng không phá vỡ tính liên tục của chúng.

⇒ Kết quả:

+ Cường độ ban đầu yếu: hình thành các nếp uốn.

+ Cường độ sau nén mạnh: hình thành miền núi uốn nếp.

b. Hiện tượng đứt gãy

- Vận động theo phương nằm ngang xảy ra ở vùng đá cứng, làm cho các lớp đá bị gãy.

⇒ Kết quả:

+ Cường độ yếu: làm đá bị nứt nẻ, tạo nên khe nứt.

+ Cường độ mạnh: tạo ra các địa hào, địa lũy, đứt gãy sâu...

→ Nội lực tạo ra sự gồ ghề, cao thấp có kích thước lớn trên địa hình mặt đất.

SỰ PHÂN BỐ CÁC VÀNH ĐAI ĐỘNG ĐẤT, NÚI LỬA

- Cho biết động đất và núi lửa tập trung nhiều nhất ở các khu vực nào trên thế giới.

- Nêu được một số kỹ năng cần thiết để bảo vệ bản thân khi xảy ra hiện tượng động đất, núi lửa phun trào.

NGOẠI LỰC

I. KHÁI NIỆM

- Là lực có nguồn gốc ở bên ngoài, xảy ra trên bề mặt Trái Đất.

- Nguồn gốc sinh ra ngoại lực: năng lượng bức xạ của Mặt Trời.

II. TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC

- Tác động của ngoại lực lên bề mặt địa hình của Trái Đất thông qua 3 quá trình:

Phong hoá → Bóc mòn → Vận chuyển và bồi tụ.

1. Quá trình phong hoá

- Là sự phá hủy và làm biến đổi các loại đá và khoáng vật dưới nhiều tác nhân: nhiệt độ, nước, sinh vật,...

- Phân loại: phong hoá lí học, phong hoá hoá học và phong hoá sinh học.

a. Phong hoá lí học

+ Đặc điểm: Là sự phá hủy các loại đá và khoáng vật về kích thước nhưng không mất đi màu sắc, tính chất hóa học của chúng.

+ Nguyên nhân: Sự thay đổi nhiệt độ đột ngột, sự đóng băng, tác động của sinh vật, nước chảy, con người,...

+ Kết quả: Làm đá bị rạn nứt, vỡ vụn.

b. Phong hoá hoá học

+ Đặc điểm: Là sự phá hủy, làm biến đổi thành phần, tính chất hoá học của đá và khoáng vật.

+ Nguyên nhân: Do tác động của các chất khí, nước, những chất khoáng hoà tan trong nước, các chất do sinh vật bài tiết...

+ Kết quả: Tạo ra các hang động, địa hình cac-xto.

c. Phong hoá sinh học

+ Đặc điểm: Là sự phá hủy đá và khoáng vật làm thay đổi về kích thước và tính chất hóa học.

+ Nguyên nhân: Do sự lớn lên của rễ cây, sự bài tiết của sinh vật.

+ Kết quả: Làm cho đá và khoáng vật bị phá hủy về mặt cơ giới, hoá học,...

⇒ Các sản phẩm của quá trình phong hoá tạo ra vật liệu mới cho quá trình vận chuyển và bồi tụ (gọi là lớp vỏ phong hoá).

2. Quá trình bóc mòn: Là quá trình tác động của ngoại lực làm chuyển dời các sản phẩm phong hóa khỏi vị trí ban đầu của nó.

- Dưới những tác nhân tác động khác nhau sẽ có tên gọi khác nhau:

+ Nước chảy: quá trình xâm thực → rãnh nông, khe rãnh xói mòn, thung lũng sông, suối.

+ Gió thổi: quá trình thổi mòn, khoét mòn → nấm đá, hố trứng thổi mòn, đá rỗ tổ ong...

+ Quá trình mài mòn:

* Do sóng biển → hàm éch sóng vỗ, bậc thềm sóng vỗ, vách biển.

* Do băng hà → phio, đá trán cừu, hồ,..

⇒ Tạo ra các dạng địa hình phong phú và đa dạng trên bề mặt địa hình Trái Đất.

3. Quá trình vận chuyển và bồi tụ

3.1. Vận chuyển

- Là quá trình di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác.

- Khoảng cách vận chuyển phụ thuộc vào động năng của quá trình, kích thước của vật liệu và điều kiện của mặt đệm.

- Có 2 hình thức:

+ Vật liệu nhỏ: được động năng của ngoại lực cuốn theo.

+ Vật liệu lớn, nặng: chịu thêm tác động của trọng lực → vật liệu lăn trên mặt đất dốc.

3.2. Bồi tụ

- Là quá trình tích tụ các vật liệu phá hủy.

- Điều kiện: phụ thuộc vào động năng của các nhân tố ngoại lực.

- Kết quả: tạo nên các dạng địa hình bồi tụ.

Các quá trình của ngoại lực có liên quan mật thiết với nhau. Tuy nhiên, chỉ có bóc mòn và bồi tụ là tạo thành địa hình mới.

→ Xu hướng chung ngoại lực là phá hủy, san bằng sự gồ ghề, làm cho địa hình trở nên bằng phẳng hơn. Ngoại lực tạo nên sự đa dạng, phức tạp của địa hình, thường là những dạng địa hình nhỏ.

⇒ Nội lực và ngoại lực là 2 lực đối nghịch nhau. Tuy nhiên, chúng luôn tác động đồng thời và tạo ra các dạng địa hình trên bề mặt Trái Đất.

KHÍ QUYỂN. CÁC YẾU TỐ KHÍ HẬU

1. KHÁI NIỆM KHÍ QUYỂN

- Khí quyển là lớp không khí bao quanh Trái Đất.

- Thành phần chính của khí quyển (SGK)

- Cấu trúc khí quyển (SGK + Khai thác hình 9.1)

* Các khối khí trên Trái Đất

- Ở mỗi bán cầu có 4 khối khí:

+ Khối khí cực: rất lạnh (A)

+ Khối khí ôn đới: lạnh (P)

+ Khối khí chí tuyến (nhiệt đới): rất nóng (T)

+ Khối khí xích đạo: nóng ẩm (E)

* Frông

- Frông (diện khí) là mặt ngăn cách giữa các khối khí, có sự khác biệt tính chất vật lí (nhiệt độ, hướng gió). Ký hiệu: F

- Mỗi bán cầu có 2 frông cơ bản:

+ Frông địa cực (FA): ngăn cách giữa các khối khí cực và ôn đới.

+ Frông ôn đới (FP): ngăn cách giữa các khối khí ôn đới và chí tuyến.

- Các khối khí, frông không đứng yên một chỗ mà luôn di chuyển, khi di chuyển đến đâu làm nhiễu động thời tiết đến đó.

- Ở khu vực xích đạo không có frông nhưng lại hình thành nên dải hội tụ nhiệt đới (ITCZ), vì ở xích đạo đều là các khối khí nóng ẩm, chỉ có hướng gió là khác nhau.

2. NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ: Sự phân bố nhiệt độ của không khí trên Trái Đất

a. Nhiệt độ phân bố theo vĩ độ

- Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ trung bình năm càng giảm, biên độ nhiệt độ (A) năm càng lớn.

$$T^{\circ}tb = T^{\circ}1 + T^{\circ}2 + T^{\circ}3 + \dots + T^{\circ}12/12$$

$$BĐN = T^{\circ}max - T^{\circ}min ({}^{\circ}C)$$

b. Nhiệt độ phân bố theo lục địa và đại dương

- Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều ở các lục địa.

- Đại dương có biên độ nhiệt năm nhỏ, lục địa có biên độ nhiệt năm lớn.

- Nhiệt độ không khí còn thay đổi theo bờ đông và bờ tây lục địa do ảnh hưởng của dòng biển nóng và lạnh.

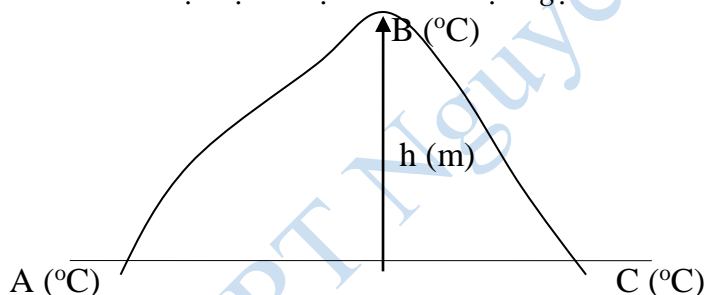
c. Phân bố theo địa hình

- Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ cao, càng lên cao nhiệt độ càng giảm.

- Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ dốc và hướng phơi của sườn núi.

- Lên cao 100 mét nhiệt độ giảm $0,6^{\circ}C$; xuống 100 mét tăng $1^{\circ}C$.

? Áp dụng bài toán tính nhiệt độ và độ cao của một ngọn núi.



? Nêu vai trò, thực trạng và giải pháp đối với bầu khí quyển của Trái Đất.

B. KĨ NĂNG

- Xử lí, nhận xét bảng số liệu.

- Nhận dạng biểu đồ thích hợp.

- Thực hiện được một số tính toán đã học.

C. HÌNH THỨC

- Tỷ lệ năng lực nhận thức: 40% Biết – 30% Hiểu – 30% Vận dụng.

- Kiểm tra trên giấy: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn, trắc nghiệm Đúng/ Sai: 8,0 điểm (32 câu); Tự luận: 2,0 điểm (02 câu)

- Thời gian làm bài: 45 phút.

* Học sinh chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập (bút chì, bút bi, máy tính...) khi làm bài kiểm tra; ghi và tô đúng số báo danh, mã đề; ghi thông tin trên phiếu làm bài theo sự hướng dẫn của cán bộ coi kiểm tra.

D. CÂU HỎI THAM KHẢO

1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

a. Nhận biết

Câu 1. Thạch quyển có độ dày khoảng

- A. 70 km. B. 90 km. C. 100 km. D. 120 km.

Câu 2. Các mảng kiến tạo có thể dịch chuyển ở phần trên của manti nhờ vật chất của tầng này có đặc điểm

- A. lỏng. B. rắn. C. đậm đặc. D. quán đèo.

Câu 3. Trên Trái Đất có bao nhiêu mảng kiến tạo lớn?

- A. 7. B. 8. C. 6. D. 5.

Câu 4. Có độ dày khoảng 100 km là đặc điểm của

- A. vỏ lục địa. B. vỏ đại dương. C. thạch quyển. D. lớp manti.

Câu 5. Các mảng kiến tạo có thể dịch chuyển ở phần trên của manti nhờ vật chất của tầng này có đặc điểm

- A. rất lỏng. B. gọn sóng. C. đậm đặc. D. quán đèo.

Câu 6. Việc hình thành dãy núi Hi-ma-lay-a là kết quả của hai mảng kiến tạo

- A. xô nhau. B. tách xa. C. liền kề. D. tiếp xúc.

Câu 7. Thứ tự quá trình tác động của ngoại lực lên bề mặt địa hình Trái Đất là

- A. vận chuyển và bồi tụ → phong hoá → bóc mòn .
B. bóc mòn → vận chuyển và bồi tụ → phong hoá.
C. phong hoá → bóc mòn → vận chuyển và bồi tụ.
D. bóc mòn → phong hoá → vận chuyển và bồi tụ.

Câu 8. Đồng bằng sông Cửu Long là kết quả của quá trình

- A. bóc mòn. B. vận chuyển. C. phong hoá. D. bồi tụ.

Câu 9. Kết quả của nội lực tác động lên bề mặt địa hình Trái Đất theo phương thẳng đứng là

- A. biển tiến, biển thoái. B. địa hào và địa lũy.
C. miền núi uốn nếp. D. địa hình hang động.

Câu 10. Nguyên nhân chủ yếu sinh ra ngoại lực là do

- A. các yếu tố thời tiết và khí hậu. B. năng lượng bức xạ của mặt trời.
C. sự tiến hoá của các loài thực vật. D. sự tác động cơ giới của con người.

Câu 11. Quá trình bóc mòn dưới tác nhân của nước chảy gọi là quá trình

- A. xâm thực. B. mài mòn. C. thổi mòn. D. băng hà.

Câu 12. Tác động của nội lực sinh ra hiện tượng đứt gãy thường xảy ra ở vùng

- A. mài mòn. B. đá cứng. C. băng hà. D. uốn nếp.

Câu 13. Cường độ phong hoá xảy ra mạnh nhất ở

- A. lớp vỏ đại dương. B. sâu trong lòng đất.
C. bề mặt Trái Đất. D. dưới mặt Mô-hô.

Câu 14. Về cấu trúc, bầu khí quyển của Trái Đất được chia thành mấy tầng?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 15. Vai trò quan trọng nhất của khí quyển là?

- A. Môi trường đốt cháy nhiên liệu. B. Không gian hoạt động kinh tế.
C. Giúp cân bằng nhiệt độ Trái Đất. D. Cung cấp dưỡng khí cho sự sống.

Câu 16. Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là năng lượng của

- A. lớp vỏ lục địa. B. bức xạ mặt trời.

C. thạch quyển.

D. lớp Man-ti trên.

Câu 17. Hoạt động nào sau đây giúp bảo vệ bầu khí quyển?

A. Đốt cháy nhiên liệu hoá thạch.

B. Phá rừng làm ruộng bậc thang.

C. Sử dụng phương tiện cá nhân.

D. Tham gia trồng nhiều cây xanh.

Câu 18. Các hoạt động thời tiết diễn ra chủ yếu ở tầng

A. bình lưu.

B. đối lưu.

C. giữa - ozon.

D. nhiệt - ion.

Câu 19. Vùng tiếp xúc các mảng kiến tạo thường là những vùng

A. bất ổn của Trái Đất.

B. có nền kinh tế phát triển.

C. khí hậu khắc nghiệt.

D. nguồn hải sản phong phú.

Câu 20. Nội lực là lực phát sinh từ

A. nhân của Trái Đất.

B. bên trong Trái Đất.

C. bức xạ của Mặt Trời.

D. bên ngoài Trái Đất.

b. Thông hiểu

Câu 1. Nhận xét nào **không** đúng về đặc điểm của các tầng khí quyển trên Trái Đất?

A. Hiện tượng cực quang xuất hiện ở tầng khuếch tán.

B. Tầng đối lưu là nơi diễn ra các hiện tượng thời tiết.

C. Lớp Ozon phân bố độ cao chủ yếu từ 20 đến 25 km.

D. Các chuyến bay thường hoạt động ở tầng bình lưu.

Câu 2. Các mảng kiến tạo **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Bị hút chìm nhưng vẫn nổi trên lớp manti.

B. Là các mảng cứng và không dịch chuyển.

C. Có hai hướng tiếp xúc: xô nhau và tách xa.

D. Là những bộ phận lớn của đáy đại dương.

Câu 3. Những dạng địa hình do nội lực tạo ra thường

A. phụ thuộc độ dốc.

B. đa dạng và phức tạp.

C. có kích thước rất lớn.

D. tạo ra vật liệu mới.

Câu 4. Phong hoá lí học thường diễn ra mạnh mẽ ở vùng khí hậu lạnh, khắc nghiệt là do

A. lượng mưa trung bình năm nhỏ.

B. năng lượng bức xạ của mặt trời.

C. biên độ nhiệt độ ngày đêm lớn.

D. nước đóng băng gia tăng áp lực.

Câu 5. Tại Việt Nam, các dạng địa hình cac-xơ thường có giá trị lớn về mặt nghiên cứu khảo cổ, lịch sử, giáo dục, du lịch,... là sản phẩm của quá trình?

A. phong hoá hoá học.

B. xâm thực mài mòn.

C. vận chuyển, bồi tụ.

D. bóc mòn khoáng vật.

Câu 6. Sự hình thành nên các dạng địa hình mới trên bề mặt Trái Đất chủ yếu là sản phẩm của quá trình

A. bồi tụ và phong hoá.

B. bóc mòn và bồi tụ.

C. vận chuyển và bóc mòn.

D. phong hoá và vận chuyển.

Câu 7. Nhận xét nào **không** đúng về nhiệt độ không khí phân bố theo vĩ độ tại Bắc bán cầu?

A. Đường đẳng nhiệt là ranh giới các vòng đai nhiệt.

B. Xích đạo là nơi có nhiệt độ trung bình năm lớn nhất.

C. Từ xích đạo về cực có biên độ nhiệt độ năm càng lớn.

D. Từ cực về xích đạo nhiệt độ trung bình năm tăng.

Câu 8. Đặc điểm nào dễ nhận biết nhất khi sóng thần đang tiến vào bờ?

A. Bầu trời xuất hiện nhiều mây đen xám.

B. Gió thổi với tốc độ cao, cường độ mạnh.

- C. Biển xuất hiện nhiều cơn sóng bạc đầu.
D. Nước biển đột ngột rút ra xa khỏi bờ.

Câu 9. Nhân tố nào sau đây **không** tác động nhiều đến sự phân bố nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất?

- A. Thời gian chiếu sáng. B. Tính chất mặt đệm.
C. Độ che phủ thực vật. D. Độ lớn góc nhập xạ.

Câu 10. Đại dương nào sau đây **không** có vành đai động đất chạy qua?

- A. Thái Bình Dương. B. Ấn Độ Dương.
C. Bắc Băng Dương. D. Đại Tây Dương.

c. Vận dụng

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM TẠI THÀNH PHỐ XÊ-UN

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ °C	-2	1	6	13	18	22	25	26	21	15	7	0

(Nguồn: Weatherspark)

Biên độ nhiệt độ năm tại thành phố Xê-Un là

- A. 28 °C. B. 26 °C. C. 24 °C. D. 22 °C.

Câu 2. Theo thuyết kiến tạo mảng, dãy Hymalaya hình thành do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Mảng Âu – Á và mảng Phi hút vào nhau.
B. Mảng Âu – Á và mảng Phi chồm lên nhau.
C. Mảng Âu – Á và mảng Ấn Độ – Ôxtrâylixa xô vào nhau.
D. Mảng Âu – Á và mảng Ấn Độ – Ôxtrâylixa tách rời nhau.

Câu 3. Tại chân núi sườn đón gió ẩm, điểm A có nhiệt độ là 26,2°C, điểm B tại đỉnh núi có nhiệt độ 19,0°C. Độ cao tương đối của ngọn núi (A đến B) này là

- A. 1000m. B. 1200m. C. 1400m. D. 1600m.

Câu 4. Nội lực và ngoại lực giống nhau ở điểm nào sau đây?

- A. Có nguồn gốc từ bức xạ Mặt Trời. B. Có cùng các nhóm nhân tố tác động.
C. Cùng làm thay đổi bề mặt Trái Đất. D. Gây ra hiện tượng động đất, núi lửa.

Câu 5. Sự gia tăng đáng kể của loại khí nào sau đây gây nên hiệu ứng nhà kính?

- A. CO₂. B. NO₂. C. SO₂. D. N₂O.

2. Trắc nghiệm đúng/ sai (02 câu)

Câu 1. Cho thông tin sau:

Ngoại lực tác động đến địa hình bề mặt Trái Đất thông qua các quá trình khác nhau gồm phong hóa, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ. Quá trình phong hóa và bóc mòn tạo ra các vật liệu phá hủy cho quá trình vận chuyển mang vật liệu đi xa, bồi tụ là sự kết thúc quá trình vận chuyển và tích tụ lại các vật liệu phá hủy.

- a) Ngoại lực tác động đến địa hình Trái đất thông qua 4 quá trình.
b) Quá trình phong hóa là quá trình tác động mạnh mẽ nhất đến địa hình bề mặt Trái Đất.
c) Nước chảy, sóng biển, gió thổi là các tác nhân chủ yếu của quá trình phong hóa.
d) Ngoại lực là yếu tố chính làm cho bề mặt Trái Đất gồ ghề, lồi lõm hơn.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt năm theo vĩ độ ở bán cầu Bắc

Vĩ độ	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}C$)	Biên độ nhiệt năm ($^{\circ}C$)
0 $^{\circ}$	24,5	1,8
20 $^{\circ}$	25	7,4
30 $^{\circ}$	20,4	13,3
40 $^{\circ}$	14,0	17,7
50 $^{\circ}$	5,4	23,8
60 $^{\circ}$	-0,6	29,0
70 $^{\circ}$	-10,4	32,2
...

a) Càng về gần cực nhiệt độ trung bình năm càng tăng.

b) Càng xa Xích đạo, biên độ nhiệt năm càng lớn.

c) Nơi có nhiệt độ trung bình năm cao nhất là khu vực Xích Đạo.

d) Góc chiếu sáng thay đổi là nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động của biên độ nhiệt từ Xích đạo về cực

3. Tự luận

a. Nhận biết

Câu 1. Mảng kiến tạo là gì? Các mảng kiến tạo có những kiểu chuyển động nào?

Câu 2. Nội lực là gì? Nguyên nhân sinh ra nội lực? Nêu tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái đất.

Câu 3. Ngoại lực là gì? Nguyên nhân sinh ra ngoại lực? Nêu tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái đất.

Câu 4. Các quá trình bóc mòn, vận chuyển, bồi tụ có mối quan hệ với nhau như thế nào?

b. Thông hiểu

Câu 1. Phân biệt sự khác nhau giữa vỏ Trái Đất và thạch quyển?

Câu 2. So sánh điểm giống và khác nhau của hiện tượng uốn nếp và đứt gãy.

Câu 3. So sánh các quá trình phong hóa lí học, phong hóa hóa học.

Câu 4. Phân tích mối quan hệ của nội lực và ngoại lực trong sự hình thành địa hình Trái Đất?

c. Vận dụng

Câu 1. Giải thích nguyên nhân tạo nên sự đa dạng, phong phú của địa hình bề mặt Trái Đất?

Câu 2. Tại sao động đất và núi lửa thường xảy ra tại ranh giới của các mảng kiến tạo?

Câu 3. Tính nhiệt độ ở chân núi khi tại điểm A ở độ cao 2000 mét trên sườn núi có nhiệt độ là 15,5 $^{\circ}C$.

Câu 4. Trên sườn một ngọn núi, nhiệt độ tại điểm A ở độ cao 1200m cao hơn nhiệt độ tại B 15 $^{\circ}C$. Hãy cho biết điểm B ở độ cao bao nhiêu mét?

-----HẾT-----